

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ Quyết định 60/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Kho xăng dầu hàng không Thọ Xuân tại xã Xuân Thắng (nay là thị trấn Sao Vàng), huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Một thành viên nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 10/TTr-SNNMT ngày 05/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên nhiên liệu hàng không Việt Nam (địa chỉ: Số 202 phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội, Việt Nam) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Kho xăng dầu hàng không Thọ Xuân tại xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hoá, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Kho xăng dầu hàng không Thọ Xuân tại xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0100107638. Đăng ký lần đầu ngày 19/7/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/3/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0100107638

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kho xăng dầu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích sử dụng đất: 9.900m²

- Nhóm dự án: Cơ sở tương đương với dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công suất: Kho chứa dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, kho cấp 3 (theo Nghị định số 13/2011/NĐ-CP ngày 11/02/2011 về an toàn dầu khí trên đất liền và Nghị định số 25/2019/NĐ-CP ngày 07/03/2019 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2011/NĐ-CP).

- Công nghệ sản xuất: Không có.

- Sản phẩm: Cung cấp nhiên liệu xăng Jet A1 cho máy bay 35.770m³/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải và các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường khác quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Một thành viên nhiên liệu hàng không Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên nhiên liệu hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 15/01/2026 đến ngày 15/01/2036).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Sao Vàng và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Sao Vàng;
- Công ty TNHH Một thành viên nhiên liệu hàng không Việt Nam;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên và khách vắng lai trong cơ sở.
- Nguồn số 2: Nước nhiễm dầu phát sinh từ việc làm mát các bồn chứa (*nguồn phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi thời tiết nóng từ 40⁰c trở lên*).
- Nguồn số 3: Nước nhiễm dầu phát sinh từ việc xả đáy bồn chứa dầu. Lưu lượng lớn nhất 6m³/ngày đêm (chủ yếu là mồ hôi bồn phát sinh trong quá trình tồn chứa xăng dầu).
- Nguồn số 4: Nước nhiễm dầu phát sinh từ việc xúc rửa bồn chứa xăng dầu(*nguồn phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi súc rửa bồn chứa định kỳ*).
- Nguồn số 5: Nước mưa có khả năng nhiễm dầu do chảy qua khu vực xung quanh các bồn chứa khi trời mưa (*nước mưa trong 15 phút đầu của cơn mưa*).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải:

Cơ sở có 02 dòng nước thải xả ra nguồn tiếp nhận:

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 01 sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, k=1,2) xả thải qua đường ống PVC, DN110 ra nguồn tiếp nhận.
- Dòng thải số 02: Nước thải từ nguồn số 02, 03, 04 và 05 sau khi xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B - Kho) xả thải qua đường ống PVC, DN200 ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải của 02 dòng nước thải là Suối Rào chảy qua phía Tây cơ sở, tại xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.

2.3. Vị trí xả thải:

- Dòng nước thải số 01 xả ra suối Rào tại vị trí có tọa độ: X = 2200013(m); Y = 549682(m).
- Dòng nước thải số 02 xả ra suối Rào tại vị trí có tọa độ: X = 2200041(m); Y = 549623(m).

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiều 3°):

Các điểm xả nước thải ra nguồn tiếp nhận phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $34,6\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, trong đó:

- Lưu lượng lớn nhất dòng số 01: $4,2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Lưu lượng lớn nhất dòng số 02: $30,4\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.5. Phương thức và hình thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy đối với cả 2 dòng.
- Hình thức xả: Xả mặt đối với cả 02 dòng.

2.6. Chế độ xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Xả liên tục 24 giờ/ngày đêm.
- Dòng nước thải số 02: Xả gián đoạn khi có trời mưa, trời nóng phải phun nước làm mát các bồn chứa và khi súc rửa bồn chứa xăng dầu.

2.7. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

a. Dòng nước thải số 01:

- Kể từ ngày được cấp phép đến hết ngày 31/12/2031, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	—	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	120		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	60		
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	12		
7	Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

- Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B); cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	—	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	≤ 60		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 35		
4	COD	mg/l	≤ 90		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 8		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Photpho (T-P)	mg/l	≤ 6		
8	Coliforms	MPN/100ml	≤ 5.000		

b. Dòng nước thải số 02:

- Kể từ ngày được cấp phép đến hết ngày 31/12/2031, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 29:2010/BTNMT Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Kho); cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	—	5,5 -9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/l	100		
3	COD	mg/l	100		
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	15		

- Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, F ≤ 2.000); cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	—	6 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/l	≤80		
3	COD	mg/l	≤90		
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Dòng số 01: Nước thải sinh hoạt (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn → Hố ga (bổ sung hoá chất khử trùng) → Nguồn tiếp nhận.

- Dòng số 02: Nước thải có khả năng nhiễm dầu từ nguồn số 02, 03, 04 và 05 → Hệ thống mương, rãnh → Hố thu gom → Thiết bị xử lý nước thải nhiễm dầu công suất 35m³/giờ → Nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 01 bể tự hoại 3 ngăn, thể tích 7m³/bể, kích thước 2x3,5x1m.

- 01 bể khử trùng, thể tích 1m³, kích thước 1x1x1m.

- 01 thiết bị công nghệ xử lý nước thải nhiễm dầu (công suất 35m³/giờ):

Tóm tắt quy trình công nghệ của thiết bị xử lý nước thải nhiễm dầu: Nước thải nhiễm dầu → Bể thu gom → Bể lắng tách dầu 01 → Bể lắng tách dầu 02 → Bể lắng tách dầu 03 → Thiết bị lọc dầu → Máng thu nước sau lọc tách dầu → Hố ga → Nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất sử dụng: Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố không hoạt động (thiết bị không hoạt động, vỡ đường ống,...), nước thải sẽ được lưu tại các ngăn của công trình xử lý nước thải, nhanh chóng sửa chữa, khắc phục sự cố để tiếp tục xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài, các bể không còn sức chứa, Công ty thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý như chất thải nguy hại. Trong quá trình khắc phục, tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

1.4.2. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

1.4.3. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Công trình vận hành thử nghiệm: 01 thiết bị công nghệ xử lý nước thải nhiễm dầu công suất 35m³/giờ.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Thực hiện ngay sau khi được cấp phép, thời điểm có phát sinh nước thải nhiễm dầu.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành các công trình xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Trạm xử lý nước thải tập trung.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty TNHH Một thành viên nhiên liệu hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu của giấy phép ra môi trường./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của các máy bơm từ trạm bơm dầu.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Kể từ ngày được cấp phép đến hết ngày 31/12/2031 phải đáp ứng và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.1.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

2.2. Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phát sinh tại Cơ sở phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể:

2.2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	65	60	-	Khu vực thông thường

2.2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	75	70	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn; Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU KHÁC
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng hiện nay (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	0,5
2	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	1,5
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	18 02 01	Rắn	30
4	Dầu hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	174
5	Dung môi thải	16 01 01	Lỏng	10
6	Bao bì bằng vật liệu khác thải	18 01 04	Rắn	5
7	Bùn từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 02	Rắn	15
8	Bùn cặn từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	Rắn	10
9	Các loại nhiên liệu thải khác	17 05 03	Lỏng	8
10	Bộ lọc dầu thải	15 01 02	Rắn	10
11	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	2
Tổng cộng				264

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Rắn	170
Tổng cộng			170

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

Stt	Nguồn phát sinh	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ công nhân viên	4,93

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng chứa chất thải lỏng nguy hại	Dung tích 200 lít	03 thùng
3	Thùng chứa chất thải rắn nguy hại	Dung tích 200 lít	08 thùng

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà: 01 kho

- Kho lưu chứa chất thải có diện tích $36m^2$, kích thước BxLxH = $4x9x3,5m$; ngăn lưu giữ CTNH có diện tích $18m^2$.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có mái che, quây tôn xung quanh đảm bảo cách biệt với bên ngoài, nền betong, có biển cảnh báo, gờ phân cách, trong mỗi ô bố trí các thùng chứa đối với từng loại chất thải, có gắn biển báo nhãn mác. Phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý khi có nhu cầu.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy và dán nhãn mã số CTNH, dung tích 120lít, thùng phi 300lít.

- Thùng ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích $36m^2$, kích thước BxLxH = $4x9x3,5m$. Ngăn lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích $18m^2$. Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông và láng nền vừa xi măng chống thấm, tường xây gạch cao

khoảng 3,5m, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt loại 240 lít	Dung tích 240 lít	03 thùng

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Tập kết tại khu vực góc phía Tây dự án, khu vực tập kết có diện tích 10m².
- Thiết kế, cấu tạo: Có mái che bằng tôn, nền láng bê tông chống thấm.

Tất cả rác thải của cơ sở được thu gom về thùng chứa rác có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 27, Điều 34, Điều 36 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Chỉ được chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, bùn thải, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.5 Biện pháp giảm thiểu tác động từ các công trình xử lý môi trường:

- Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt.
- Thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa và định kỳ phun khử trùng khu thoát nước trong dự án.
- Đối với các thùng rác sinh hoạt phải được thu gom, xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, sự cố tràn dầu, sự cố bức vỡ đường ống và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ theo kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Kho nhiên liệu hàng không sân bay Thọ Xuân thuộc Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (SKYPEC).

- Tuân thủ, trang bị, thực hiện đầy đủ các phương án phòng cháy chữa cháy được Phòng cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Thanh Hóa Nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy số 120/NT-PCCC ngày 23/6/2022 cấp cho Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT). Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

3. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sinh hoạt sau xử lý đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K= 1,2); Nước mưa nhiễm dầu sau xử lý đáp ứng QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cột B, cửa hàng không có dịch vụ rửa xe). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; Kiểm soát hoạt động của các công trình xử lý nước thải đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh. Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải định kỳ 1 lần/năm.

4. Kiểm soát chất lượng không khí đảm bảo QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành;

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.